

Tài khoản quản lý: N9545

Mật khẩu:

Mẫu số 01

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: C1.A108
Môn thi: Kỹ năng đọc Ca thi: 7h30 Ngày thi: 17/4/2021

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ và tên		Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0113	SV5457929	Đoàn Thị	Thoan	10/12/1999		
2	TA0114	SV5457930	Nguyễn Thị	Phương	16/10/1999		
3	TA0115	SV5457931	Đinh Thị Như	Phương	16/09/1999		
4	TA0116	SV5457932	Tạ Việt	Chinh	01/04/1999		
5	TA0117	SV5457933	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/11/1999		
6	TA0118	SV5457934	Nguyễn Thanh	Phong	09/03/1999		
7	TA0119	SV5457935	Nguyễn Quốc	Huy	11/08/1999		
8	TA0120	SV5457936	Lò Thuý	Trang	15/01/1999		
9	TA0121	SV5457937	Hoàng Anh	Việt	23/10/1999		
10	TA0122	SV5457938	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	29/08/1999		
11	TA0123	SV5457939	Lương Việt	Cường	15/06/1999		
12	TA0124	SV5457940	Cao Thị Khánh	Linh	24/09/1999		
13	TA0125	SV5457941	Trương Minh	Nhật	3/4/2000		
14	TA0126	SV5457942	Công Thị Minh	Trang	21/10/1999		
15	TA0127	SV5457943	Lê Văn	Anh	15/01/1999		
16	TA0128	SV5457944	Nguyễn Ngọc	Lê	9/5/1999		
17	TA0129	SV5457945	Lê Nhật	Linh	14/6/1999		
18	TA0130	SV5457946	Trịnh Thị	Duyên	19/8/1998		
19	TA0131	SV5457947	Nguyễn Thị Kim	Chi	22/8/1999		
20	TA0132	SV5457948	Đỗ Thị	Trang	6/8/1999		
21	TA0133	SV5457949	Lại Đức	Trung	28/01/1999		
22	TA0134	SV5457950	Phạm Quỳnh	Trang	11/9/1999		
23	TA0135	SV5457951	Dương Hoàng	Linh	26/3/1997		
24	TA0136	SV5457952	Nguyễn Quốc	Hùng	7/7/1990		
25	TA0137	SV5457953	Đỗ Đức	Cường	28/3/1987		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....
Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)